TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2025.
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Thành Thái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Hồ Ngọc B**, sinh năm 1979. Địa chỉ: tổ 3, ấp Hiệp Tân, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Huỳnh Thị Mỹ T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp Hiệp Tân, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện huyện HĐ, tỉnh KG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Văn B trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì ông Hồ Ngọc B và bà Huỳnh Thị Mỹ T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000. Sau đó ông bà thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 31/8/2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng cũng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Từ năm 2022 mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên bà T đã bỏ đi, thời gian đầu cũng có về 1 vài lần rồi sau đó không về nữa, từ đó vợ chồng cũng sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên ông Hồ Ngọc B yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau ông B xác định ông và bà Mỹ T có 02 người con chung tên Hồ Minh Vỹ, sinh ngày 14/6/2007 và Hồ Huỳnh Thi, sinh ngày 01/9/2010, hiện hai con chung do ông B trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Hồ Văn B không yêu cầu bà Mỹ T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Ông Hồ Văn B xác định quá trình chung sống với nhau, ông và bà Mỹ T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ T đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Mỹ T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Ngọc B yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ T có nơi cư trú tại ấp Hiệp Tân, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Hồ Ngọc B có đơn xin vắng mặt và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ông Hồ Ngọc B và bà Huỳnh Thị Mỹ T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000 theo phong tục địa phương. Đến ngày 31/8/2005 ông B và bà T mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01. Như vậy, hôn nhân giữa ông Hồ Ngọc B và bà Huỳnh Thị Mỹ T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông B về việc xin ly hôn với bà T thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa ông B và bà T có phát sinh mâu thuẫn, theo ông B trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, lớn tiếng với nhau, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù vợ chồng đã hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Ông B cũng xác định trong thời gian sống ly thân với nhau, thì ông bà không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên ông B đoàn tụ gia đình để nuôi dạy các con chung, nhưng ông B vẫn kiên quyết ly hôn với bà T vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhiều lần, nhưng bà T vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ bà T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông B.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông Hồ Ngọc B yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T là có căn cứ và và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống ông B xác định ông và bà T có 02 người con chung Hồ Minh Vỹ, sinh ngày 14/6/2007 và Hồ Huỳnh Thi, sinh ngày 01/9/2010. Ly hôn ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi ông B và bà T sống ly thân với nhau cho đến nay ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, các con vẫn được đi học và phát triển bình thường. Vì vậy, để các con ổn định cuộc sống và phát triển tốt về mọi mặt cần tiếp tục giao cháu Hồ Minh Vỹ và Hồ Huỳnh Thi cho ông B chăm sóc, nuôi dưỡng

giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như nguyện vọng của các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Hồ Ngọc B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Ông Hồ Ngọc B xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Hồ Ngọc B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Ngọc B được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên Hồ Minh Vỹ, sinh ngày 14/6/2007 và Hồ Huỳnh Thi, sinh ngày 01/9/2010 cho ông Hồ Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian ông Hồ Ngọc B nuôi con; bà Huỳnh Thị Mỹ T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Ngọc B xác định ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc ông Hồ Ngọc B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009716 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông Hồ Ngọc B không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An